



## TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN LỜI NÓI VÀ NGÔN NGỮ BÌNH THƯỜNG

Hãy dùng tài liệu này làm tài liệu hướng dẫn, khi trẻ học giao tiếp ở nhiều cấp độ khác nhau. Hãy gặp bác sỹ điều trị hoặc nữ bảo mẫu của bạn nếu có điều gì băn khoăn.

### 0-3 tháng

- Phản ứng với các tiếng nói lớn và các âm thanh, như tiếng sập cửa, điện thoại kêu.
- Phát triển kỹ năng giao tiếp bằng mắt (nhìn vào mặt hoặc nhìn theo vật đang chuyển động).
- Có nhiều cách khóc khác nhau cho bạn biết khi bé bị đau, đói hoặc mệt.
- Bắt đầu kêu “a a, u u”, và nói ríu rít.
- Biết mỉm cười khi bạn nói chuyện với bé (4-6 tuần).
- Phát triển kỹ năng lần lượt, ví dụ như bé có thể bắt chước bạn khi bạn tạo ra một âm thanh.

### 3-6 tháng

- Biết quay đầu về phía có tiếng động hoặc âm thanh, ví dụ như tiếng người đi qua phòng.
- Khi 3 tháng tuổi – bé nói ríu rít và lẩm bẩm nhiều hơn.
- Biết mỉm cười nhiều hơn và cười to khi nô đùa.

### 6-9 tháng

- Khi 6 tháng – bắt đầu bập bẹ “da da”, “ba ba”, “ada”.
- Biết quay lại khi được gọi tên và hiểu khi bạn nói “không”.
- Biết bắt chước những hành động đơn giản, như vẫy tay tạm biệt, vỗ tay.
- Biết kết hợp nhiều từ và âm thanh bập bẹ với nhau hơn, như “mamama”, “dadada”.
- Biết sử dụng nhiều cử chỉ hơn, như lắc đầu để nói “không”.



### 9-12 tháng

- Hiểu những câu hỏi đơn giản, như “Ba đâu rồi?”
- Làm theo chỉ dẫn đơn giản có sự giúp đỡ, như “Đưa bóng cho mẹ”.
- Biết kết hợp nhiều âm khác nhau, như “brmm brmm”, “dabadabadaba”.
- Bắt đầu chỉ và nói để biểu thị nhu cầu và ý muốn.

### 12-18 tháng

- Biết ít nhất một bộ phận cơ thể, như mũi.
- Hiểu nhiều từ, các chỉ dẫn đơn giản và câu hỏi có/không, như “Con có uống nước không?”.
- Bắt đầu nói các từ đơn (khoảng 12 đến 20 tháng tuổi).
- Bắt chước tiếng, như tiếng các con vật hoặc xe cộ.

## 18-24 tháng

- Biết nhiều bộ phận cơ thể hơn.
- Hiểu những chỉ dẫn dài hơn, như “Nhặt ô tô lên...đưa cho ba”.
- Biết nói 25 đến 50 từ đơn.
- Bắt đầu ghép hai từ cùng nhau, như "xe của ba", “nước của mẹ”, “đi tàu”.



## 2 tuổi

- Biết nói 50 đến 200 từ thường xuyên.
- Bắt đầu ghép thêm các cụm 2-3 từ với nhau, như “thêm nước nữa”, “ba đi ô tô”, “mẹ đứng lên”.
- Biết trả lời các câu hỏi đơn giản như “Cái gì thế?”, “Cún con ở đâu?”.
- Làm theo các chỉ dẫn đơn giản có hai từ chính, như “bỏ táo vào túi”.

## 3 tuổi

- Hiểu các từ khác nhau, như các giới từ “trong”, “trên”, “dưới”.
- Nhận biết đồ vật theo công dụng, màu sắc hoặc hình dạng, như “Quả bóng to màu gì?”.
- Biết nói 3 đến 5 từ trong một câu, như “búp bê đi ngủ thôi”.
- Biết đặt câu hỏi “Cái gì?”, “Ai?”, “Ở đâu?”.
- Biết nói rõ ràng khoảng 75% thời gian (kỹ năng phát âm vẫn đang phát triển).
- Biết dùng các cấu trúc ngữ pháp, dù không phải câu nào cũng đúng, như:
  - o “đang” (thì hiện tại), như “Mẹ đang đi”.
  - o số nhiều (nhiều hơn một) như “hai quả bóng”.

## 4 tuổi

- Biết nói nhiều từ (khoảng 900 từ), khoảng 4 từ trở lên trong một câu.
- Hiểu các khái niệm “thời gian”, như hôm qua; mùa đông; tuần trước.
- Chỉ thỉnh thoảng mới mắc lỗi ngữ pháp, nhưng thường sử dụng đúng ngữ pháp.
- Dùng từ khá chính xác – đã học được hầu hết các âm thanh lời nói.

## 5 tuổi

- Có thể làm theo các chỉ dẫn gồm 3 phần, như “đứng dậy, xỏ giày của con vào và đi ra xe ô tô”.
- Biết nói các câu gồm khoảng 6 từ trở lên đúng ngữ pháp.
- Biết nói chuyện về các sự kiện trong quá khứ, hiện tại và tương lai, như “Ngày mai nhà mình sẽ đi công viên!”.
- Hiểu về nhiều khái niệm, như ướt, khô, to, nhỏ, chậm, nhanh.
- Biết nói về cảm xúc và biểu thị ý nghĩ, như “Con buồn lắm – Jack không chơi với con”.
- Làm cho người quen và người lạ hiểu được ý mình.